

Trường: THCS Nguyễn Văn Luông.

Lớp: 6

## Ôn tập kiểm tra định kì

(Năm học: 2021- 2022)

<https://youtu.be/HrGCGj4MFmo>

### PHẦN 1: THỰC HIỆN PHÉP TÍNH và TÌM SỐ TỰ NHIÊN X

#### A. Thứ tự thực hiện các phép tính trong một biểu thức:

- Đối với biểu thức không có dấu ngoặc:
  - + Nếu chỉ có cộng, trừ hoặc chỉ có nhân, chia, ta thực hiện từ trái sang phải.
  - + Nếu chỉ có phép cộng, trừ, nhân, chia, nâng lên lũy thừa, ta thực hiện phép nâng lên lũy thừa trước, rồi nhân, chia trước cộng, trừ sau.
- Đối với biểu thức có dấu ngoặc: Nếu biểu thức có các dấu ngoặc tròn ( ), ngoặc vuông [ ], ngoặc nhọn { }

#### B. Tính chất của các phép toán trong tập hợp số tự nhiên:

##### 1) Tìm số tự nhiên x:

<b>PHÉP CỘNG: <math>a + b = c</math></b> Số hạng + Số hạng = Tổng Số hạng chưa biết = Tổng – Số hạng đã biết	<b>PHÉP NHÂN: <math>a \cdot b = c</math></b> Thừa số . Thừa số = Tích Thừa số chưa biết = Tích : Thừa số đã biết
<b>PHÉP TRỪ: <math>a - b = c</math></b> Số bị trừ – Số trừ = Hiệu Số bị trừ = Hiệu + Số trừ Số trừ = Số bị trừ – Hiệu	<b>PHÉP CHIA: <math>a : b = c</math></b> Số bị chia : Số chia = Thương Số bị chia = Thương . Số chia Số chia = Số bị chia : Thương
<b>Lũy thừa bậc n của a</b> $a^n = a.a. \dots .a$ (với $n \neq 0$ ) (n thừa số a)	
<u>Nhân hai lũy thừa cùng cơ số:</u> $a^m \cdot a^n = a^{m+n}$	<u>Chia hai lũy thừa cùng cơ số:</u> $a^m : a^n = a^{m-n}$ ( $a \neq 0; m \geq n$ )



## PHẦN 2: Tìm ƯCLN; BCNN :

### 1. TÌM ƯCLN :

Muốn ƯCLN của hai hay nhiều số lớn hơn 1, ta thực hiện ba bước sau:

*Bước 1:* Phân tích mỗi số ra thừa số nguyên tố.

*Bước 2:* Chọn ra các thừa số nguyên tố chung.

*Bước 3:* Lập tích các thừa số đã chọn, mỗi thừa số lấy với số mũ nhỏ nhất của nó.

Tích đó là ƯCLN phải tìm.

### 2. TÌM BCNN:

Muốn tìm BCNN của hai hay nhiều số lớn hơn 1, ta thực hiện ba bước sau:

*Bước 1:* Phân tích mỗi số ra thừa số nguyên tố.

*Bước 2:* Chọn ra các thừa số nguyên tố chung và riêng.

*Bước 3:* Lập tích các thừa số đã chọn, mỗi thừa số lấy với số mũ lớn nhất của nó.

Tích đó là BCNN phải tìm.

### I. ÁP DỤNG:

**Dạng 1:** Tìm ƯCLN;BCNN RỒI TÌM ƯC; BC

a) ƯCLN(18; 30); ƯC(18;30)

b) BCNN(90; 150); BC(90; 150)

c) ƯC(12; 24);

d) BC(24; 30).

Giải:

a) ƯCLN(18; 30) rồi tìm ƯC(18;30)

18 = .....;

30 = .....

Thừa số nguyên tố chung là .....

$$ƯCLN(18;30) = \dots\dots\dots$$

$$ƯC(18;30) = Ư(\dots) = \{\dots\dots\dots\}$$

b) BCNN(90; 150) rồi tìm BC(90; 150)

giải : BCNN(90; 150); BC(90; 150)

- $90 = \dots;$
- $150 = \dots$
- Thừa số nguyên tố chung và riêng là .....
- $BCNN(90;150) = \dots\dots\dots$
- $BC(90;150) = B(\dots) = \{\dots\dots\dots\}$

c) Giải:  $ƯC(12; 24)$

$$Ư(12) = \{\dots\dots\dots\};$$

$$Ư(24) = \{\dots\dots\dots\}$$

$$ƯC(12;24) = \{\dots\dots\dots\}$$

d) Giải :  $BC(24; 30);$

$$B(24) = \{\dots\dots\dots\};$$

$$B(30) = \{\dots\dots\dots\}$$

$$BC(24;30) = \{\dots\dots\dots\}$$

**Dạng 2:** Rút gọn các phân số sau:      a)  $\frac{28}{42}; \frac{60}{135}$       b)  $\frac{24}{108}; \frac{80}{32}$ .

**Giải:**

a)  $\frac{28}{42}$

$ƯCLN(28;42)= 14$

$\frac{28}{42} = \frac{28:14}{42:14} = \frac{2}{3}$

$\frac{60}{135}$  có  $ƯCLN(60;135)=...$

$\frac{60}{135} = \frac{\dots\dots\dots}{\dots\dots\dots} = \frac{\dots\dots}{\dots\dots}$

• b)  $\frac{80}{32}$

$ƯCLN(80;32)=16$

$\frac{80}{32} = \frac{\dots\dots\dots}{\dots\dots\dots} = \frac{\dots\dots}{\dots\dots}$

$ƯCLN(24;108)=.....$

•  $\frac{24}{108} = \frac{\dots\dots\dots}{\dots\dots\dots} = \frac{\dots\dots}{\dots\dots}$

**Dạng 3:** Quy đồng mẫu số các phân số sau (có sử dụng BCNN):

a)  $\frac{3}{16}$  và  $\frac{5}{24}$ ;

b)  $\frac{3}{20}$ ;  $\frac{11}{30}$

Giải :

a)  $\frac{3}{16}$  và  $\frac{5}{24}$ ;  $BCNN(16;24)= .....$

$\frac{3}{16} = \frac{\dots\dots\dots}{\dots\dots\dots} = \frac{\dots\dots}{\dots\dots}$ ;

$\frac{5}{24} = \frac{\dots\dots\dots}{\dots\dots\dots} = \frac{\dots\dots}{\dots\dots}$ ;

b)  $\frac{3}{20}$ ;  $\frac{11}{30}$  có  $BCNN( 20;30) =.....$

$\frac{3}{20} = \frac{\dots\dots\dots}{\dots\dots\dots} = \frac{\dots\dots}{\dots\dots}$ ;

$$\frac{11}{30} = \frac{\dots\dots\dots}{\dots\dots\dots} = \frac{\dots\dots}{\dots\dots};$$

**Dạng 4:** Thực hiện phép tính (có sử dụng BCNN):

$$a) \frac{7}{15} + \frac{9}{10};$$

$$b) \frac{7}{24} - \frac{2}{21}$$

Giải:

$$a) \frac{7}{15} + \frac{9}{10} \text{ (có MC(15;10) = BCNN(15;10) = .....)}$$

$$= \frac{\dots\dots}{\dots\dots} + \frac{\dots\dots}{\dots\dots}$$

$$= \frac{\dots\dots}{\dots\dots} + \frac{\dots\dots}{\dots\dots}$$

$$= \frac{\dots\dots + \dots\dots}{\dots\dots} = \frac{\dots\dots}{\dots\dots};$$

$$b) \frac{7}{24} - \frac{2}{21} \text{ (có MC(24;21) = BCNN(24;21) = .....)}$$

$$= \frac{\dots\dots}{\dots\dots} - \frac{\dots\dots}{\dots\dots}$$

$$= \frac{\dots\dots}{\dots\dots} - \frac{\dots\dots}{\dots\dots}$$

$$= \frac{\dots\dots}{\dots\dots} - \frac{\dots\dots}{\dots\dots}$$

$$= \frac{\dots\dots - \dots\dots}{\dots\dots} = \frac{\dots\dots}{\dots\dots};$$

**PHẦN III. ĐỀ THAM KHẢO KIỂM TRA ĐỊNH KỲ:**

TRƯỜNG: THCS NGUYỄN VĂN LUÔNG

LỚP: .....MÃ SỐ: .....

HỌ VÀ TÊN HỌC SINH:.....

ĐỀ THAM KHẢO KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ I NĂM HỌC 2021 – 2022

TOÁN : 6

THỜI GIAN: 60 phút

----- oOo -----

**I. PHẦN TRẮC NGHIỆM (5 đ)**

**Bài 1:** (1 đ) Gọi X là tập hợp các số tự nhiên không lớn hơn 5. Cách viết SAI là:

A.  $X = \{0;1;2;3;4;5\}$ .

B.  $X = \{0;3;2;1;4;5\}$ .

C.  $X = \{x \in \mathbb{N} / x < 5\}$

D.  $X = \{x \in \mathbb{N} / x \leq 5\}$

**Bài 2:** (1 đ) Cách viết nào sau đây là sai:

A.  $a + b = b + a$ .

B.  $ab = ba$ .

C.  $ab + ac = a(b + c)$ .

D.  $ab - ac = a(c - b)$ .

**Bài 3:** (1 đ) ƯCLN (18;24) là :

A.24

B.18

C.12

D.6

**Bài 4:** (1 đ) BCNN( 3;4)

A.24

B.18

C.12

D.6

**Bài 5:**(1 đ) Có lớp 6A có 28 em là học sinh nam và 16 em là học sinh . Ta có thể chia nhiều nhất là bao nhiêu tổ sao cho mỗi tổ có số học sinh nam và số học sinh nữ bằng nhau.

A. 2 tổ

B. 4 tổ

C. 6 tổ

D. 8 tổ.

## II. **PHẦN TỰ LUẬN (5 đ) :**

**Bài 6:** (2 đ) Thực hiện phép tính sau:

a)  $2^3 \cdot 3 - (1^{10} + 15) : 4^2$  ;

b)  $\frac{7}{15} - \frac{2}{21}$  .

**Bài 7:** (1đ) Tìm số tự nhiên x sao cho :  $(9x - 2^3) : 5 = 2$

**Bài 8:** (2 đ) a) Tìm ƯCLN(16;24) rồi tìm các ƯC của 16 và 24.

b) Một lớp 6A có không quá 42 học sinh. Nếu xếp hàng 4 hoặc hàng 6 thì vừa đủ. Nếu xếp hàng 5 thì thừa 1 em. Hỏi lớp đó có bao nhiêu học sinh.

-----HẾT-----

Hướng dẫn giải bài 8 b) ( có trong sách giáo khoa trang 41;42 phần ví dụ: 4)

Giải:

Số học sinh của lớp 6A là bội chung của 4 và 6.

Ta có:  $BCNN(4,6) = \dots = 12$  nên  $BC(4;6) =$   
{.....}

Vì số học sinh không vượt quá 42 và là một số chia 5 dư 1 nên lớp 6A có.....  
học sinh

CHÚC CÁC EM THI GIỮA KỲ CÓ KẾT QUẢ THẬT

TỐT.